TÒA ÁN QUÂN SỰ **KHU VỰC 2 QUÂN KHU 5**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST
Ngày 21/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 2 QUÂN KHU 5

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 1// Nguyễn Thành Long.

Các Hội thẩm quân nhân: 1// Huỳnh Tấn Sĩ;
1// Nguyễn Cao Đức Hơn.

- Thư ký phiên tòa: 4/ Đặng Thế Thanh, Thư ký, Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53 tham gia phiên tòa: 4/ Phạm Đức Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực 2 Quân khu 5 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Trương Vĩnh T; sinh ngày 25/02/1988 tại tỉnh Bình Định; nơi thường trú: Thôn A, xã Q, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: LĐHĐ, Xí nghiệp X, Công ty C, Binh đoàn I; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn A1, sinh năm 1962 và bà Đỗ Thị L, sinh năm 1963; vợ là Nguyễn Thị Phương L1, sinh năm 1988, có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử lý vi phạm hành chính và xử lý kỷ luật; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh từ ngày 23/10/2024; có mặt.

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Đức C1, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1975; nơi cư trú: Thôn Đ1, xã M, huyện A2, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phan Đăng H; có mặt;

2. Ông Nguyễn Võ Công T1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 23/8/2024, ông Nguyễn Đức C1 điều khiển xe ô tô tải Biển số 78H-007.39 chở thép giao cho công trình xây dựng cụm doanh trại Đoàn K, Quân khu V của Xí nghiệp X, Công ty C, Binh đoàn I thuộc thôn 8, xã R, huyện S,

tỉnh Đắk Lắk. Trương Vĩnh T được ông Phan Đăng H, Chỉ huy trưởng công trình giao nhiệm vụ tiếp nhận, kiểm đếm và phủ bạt bảo quản thép khi bốc dỡ xong. Đến khoảng 09 giờ 50 phút, trong khi ông C1 đang bốc dỡ thép trên thùng xe, T tự ý mở cửa leo lên xe ô tô tải tìm nước uống. Trên xe, T nhìn thấy ví của ông C1 trong hộc đựng đồ phía trước, giữa ghế tài và ghế phụ. T lén lút mở ví lấy một xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng với tổng số tiền là 10.500.000 đồng bỏ vào túi quần rồi xuống xe và tiếp tục theo dõi việc bốc dỡ thép. Khi công việc sắp hoàn thành, T điều khiển xe mô tô về nhà ở của Ban Chỉ huy công trình lấy bạt đưa ra xe. Sau đó, T đi ra phía sau khu nhà vệ sinh Ban Chỉ huy công trình để cất giấu số tiền trộm cắp được, khi lấy xấp tiền ra khỏi túi thì bị rơi xuống đất, T vội nhặt lên rồi giấu vào bụi cỏ ở góc tường sát với bậc cầu thang lên xuống nhà vệ sinh. T chở bạt ra vị trí tập kết thép và tiếp tục công việc. Khoảng 11 giờ 30 phút bốc dỡ thép xong, ông C1 điều khiển xe ô tô tải rời khỏi công trường, đến khoảng 14 giờ khi phát hiện bị mất tiền thì điều khiển xe quay lại công trường và trình báo cơ quan chức năng về việc mất tiền. Sau khi điều tra, phát hiện T là người trộm cắp số tiền 10.500.000 đồng. Theo lời khai của T, Cơ quan chức năng kiểm tra và thu giữ được tại vị trí T cất giấu tiền được 19 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S, tỉnh Đắk Lắk lập ngày 24/8/2024, xác định: Vị trí T cất giấu tiền là bậc lên xuống, góc sát tường nhà vệ sinh phía sau khu nhà ở của Ban Chỉ huy công trình Xí nghiệp X, Công ty C, Binh đoàn I thuộc thôn 9, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Lắk. Tiền được gấp lại nhét xuống dưới góc tường, có cây cỏ dại che phủ, tiến hành kiểm tra phát hiện có 19 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Tại Biên bản truy tìm vật chứng do Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng lập ngày 19/9/2024, thể hiện: Trên cơ sở lời khai của T, tiến hành truy tìm hai tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng bị thất lạc trong quá trình cất giấu tài sản trộm cắp nhưng không có kết quả.

Tại các Biên bản xác định, kiểm tra hiện trường do Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng lập vào các ngày 19/9/2024, 10/10/2024, xác định: Hiện trường vụ trộm cắp tài sản là khu vực công trường xây dựng cụm doanh trại Đoàn K, Quân khu V của Xí nghiệp X, Công ty C, Binh đoàn I thuộc thôn 8, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Lắk… Vị trí ông C1 để ví trong đó có số tiền 10.500.000 đồng bị trộm cắp là trong hộc đựng đồ phía trước giữa ghế tài và ghế phụ trong cabin xe ô tô tải Biển số 78H-007.39.

Trích xuất dữ liệu camera hành trình trên xe ô tô tải Biển số 78H-007.39 ghi nhận: Lúc 09 giờ 57 phút ngày 23/8/2024, T đi từ phía bên trái cabin ra trước đầu xe ô tô, T đứng uống nước, sau đó điều khiển xe mô tô đi khỏi công trường xây dựng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Vĩnh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, có nội dung: Khoảng 07 giờ ngày 23/8/2024, bị cáo được phân công nhiệm vụ kiểm đếm, nhận và bảo quản thép do ông C1 chở đến giao tại công trường. Đến khoảng 09 giờ 50 phút, bị cáo tự ý mở cửa xe ô tô của ông C1 lên lấy nước uống để trong cabin xe. Khi lên xe, bị cáo thấy có ví tiền để ở hộc taplô phía trước giữa ghế lái và ghế phụ, bị cáo lấy ví mở ra và lén lút lấy xấp tiền mệnh giá 500.000 đồng với tổng số tiền là 10.500.000 đồng rồi đi xuống. Một lúc

sau, bị cáo điều khiển xe mô tô về nhà ở của Ban Chỉ huy công trình với mục đích lấy bạt che thép và bị cáo cất giấu số tiền trên vào góc sát tường với bậc cầu thang lên xuống nhà vệ sinh, khi lấy xấp tiền ra khỏi túi thì có làm rơi xuống đất. Sau đó, bị cáo chở bạt quay lại công trình tiếp tục làm việc. Khi ông C1 báo với Ban Chỉ huy công trình về sự việc, Ban Chỉ huy có gọi bị cáo lên hỏi về số tiền trên nhưng bị cáo không thừa nhận mình trộm tiền. Bị cáo được Công an mời lên làm việc và thừa nhận mình là người lấy trộm tiền. Bị cáo chỉ chỗ cất giấu tiền nhưng chỉ thu giữ được 9.500.000 đồng, bị cáo nghĩ 1.000.000 đồng đã bị thất lạc khi bị cáo làm rơi tiền. Bị cáo đã nhờ Ban Chỉ huy bồi thường ngay cho ông C1 số tiền 10.500.000 đồng và trừ vào lương hàng tháng của bị cáo. Sau khi ông C1 được Cơ quan điều tra trả lại số tiền 9.500.000 đồng thì trả lại cho bị cáo do bị cáo đã bồi thường cho ông C1.

Lời khai của bị hại Nguyễn Đức C1 và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 07 giờ ngày 23/8/2024, ông C1 cùng con trai chở thép giao cho công trường xây dựng cụm doanh trại Đoàn K. Tại đây, ông C1 cùng một số người của công trường thực hiện việc bốc dỡ thép. Khoảng 10 giờ, ông C1 thấy T lấy xe mô tô để đi đâu thì ông không rõ. Khi xong việc, ông C1 điều khiển xe đi về thì phát hiện bị mất số tiền 10.500.000 đồng. Ông C1 cùng con trai kiểm tra camera hành trình phát hiện T bước trên xe xuống và nghi ngờ T đã lấy trộm tiền. Ông C1 gọi báo cho anh H việc mất tiền và điều khiển xe trở lại công trường. Do T không nhận việc mình đã lấy trộm tiền nên ông C1 đã trình báo sự việc cho Công an xã R để xử lý thì phát hiện người trộm tiền chính là T. Sau đó, T có nhờ Ban Chỉ huy bồi thường số tiền cho ông số tiền 10.500.000 đồng. Khi được nhận lại số tiền 9.500.000 đồng, ông C1 đã trả lại cho T vì đã được bồi thường. Ngoài ra, ông C1 cũng có Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Lời khai của người làm chứng Phan Đăng H tại phiên tòa như sau: Sáng ngày 23/8/2024, tôi có giao nhiệm vụ cho bị cáo kiểm đếm, nhận và bảo quản sắt thép do ông C1 giao cho công trình xây dựng. Khoảng 14 giờ, tôi được ông C1 báo mất trộm số tiền 10.500.000 đồng. Khi làm việc với Ban Chỉ huy, bị cáo không khai nhận việc lấy trộm tiền, khi Công an đến làm việc mới khai nhận hành vi trộm cắp. Bị cáo nhờ Ban Chỉ huy cho tạm ứng số tiền 10.500.000 đồng để bồi thường cho ông C1 và đã trừ đầy đủ vào tiền lương hàng tháng. Thay mặt đơn vị, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của người làm chứng Nguyễn Võ Công T1 trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Sáng ngày 23/8/2024, T1 cùng ba là ông C1 giao thép cho công trình xây dựng cụm doanh trại Đoàn kinh tế quốc phòng 737. Xong việc đi về, ba của T1 lấy ví ra thì phát hiện mất số tiền 10.500.000 đồng. Khi xem camera hành trình thì thấy T trèo lên cabin xe. T1 cùng ba quay lại công trình, do không có ai nhận đã trộm tiền nên đã trình báo với Công an xã R. T1 cho biết số tiền hàng ông C1 cầm theo là 18.500.000 đồng đều là tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và đã đổ 8.000.000 đồng tiền dầu vào xe từ số tiền này.

Cáo trạng số 02/CT-VKSQSKV53 ngày 09/01/2025 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 53 truy tố bị cáo Trương Vĩnh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với Trương Vĩnh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá nguyên nhân, điều kiện, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS), nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 3 Điều 36 BLHS tuyên phạt bị cáo Trương Vĩnh T từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập thu nhập đối với bị cáo T vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang điều trị bệnh dài ngày.

- Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự (BLDS) ghi nhận sự tự nguyện thỏa T bồi thường của bị cáo cho bị hại số tiền 10.500.000 đồng.

Trong phần tranh luận: Bị cáo Trương Vĩnh T không có tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Bị cáo Trương Vĩnh T trình bày lời nói sau cùng: Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, lại đang điều trị bệnh, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng (THTT), người THTT trong vụ án được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan THTT, người THTT trong vụ án. Như vậy, HĐXX có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan THTT, người THTT trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 09 giờ 50 phút ngày 23/8/2024, tại công trình xây dựng cụm doanh trại Đoàn K/Quân khu V, bị cáo Trương Vĩnh T đã có hành vi lén lút leo lên cabin xe tải Biển số 78H-007.39 trộm cắp số tiền 10.500.000 đồng của ông Nguyễn Đức C1. Như vậy, hành vi của bị cáo Trương Vĩnh T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ muốn có tiền chi tiêu cá nhân nhưng không muốn lao động chân chính nên đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xem xét tình tiết giảm nhẹ TNHS và nhân thân của bị cáo, HĐXX nhận

thấy:

Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 10.500.000 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra bị hại có Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng mà đang có nơi làm việc ổn định; chưa có tiền án, tiền sự; nhân thân tốt. Do vậy, HĐXX xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 36 BLHS xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho Công ty nơi bị cáo làm việc và gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, cũng đảm bảo được tính phòng ngừa chung và thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

Trong gia đình, bị cáo là người tạo ra nguồn thu nhập chính, vợ bị cáo làm nông có thu nhập không ổn định, bị cáo có hai con sinh năm 2010, 2014 đang tuổi ăn học; đồng thời, bị cáo bị bệnh đái tháo đường, nhiễm khuẩn đường tiết niệu đã điều trị dài ngày từ ngày 28/11/2024 đến ngày 18/12/2024 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Gia Lai, từ ngày 24/12/2024 đến ngày 07/01/2025 tại Bệnh viện Quân y Z/Cục Hậu cần Quân khu V và phải tiếp tục điều trị lâu dài; do đó, HĐXX miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 BLHS.

[5] Về bồi thường thiệt hại:

Thiệt hại của bị hại là do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với thiệt hại này. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại tổng số tiền là 10.500.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại số tiền 10.500.000 đồng, bị hại không có ý kiến gì nên HĐXX xét thấy cần ghi nhận thỏa thuận này.

Sau khi bị hại nhận lại số tiền 9.500.000 đồng từ Cơ quan điều tra thì trả lại số tiền này cho bị cáo vì bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét giải quyết lại.

[6] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

Việc Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 2 các Tổ chức sự nghiệp, Bộ Quốc phòng ra Quyết định xử lý vật chứng số 21/QĐ-XLVC ngày 25/11/2024 trả lại 19 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng cho bị hại là theo đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét giải quyết lại.

[7] Về án phí: Theo quy định khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Trương Vĩnh T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Trương Vĩnh T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trương Vĩnh T.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Công ty C để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Công ty C trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi làm việc, nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận bị cáo Trương Vĩnh T đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại Nguyễn Đức C1 số tiền 10.500.000 (Mười triệu, năm trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Trương Vĩnh T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/02/2025) đối với bị cáo và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 5./.

Nơi nhận:
- VKSQSQK5;
- VKSQSKV53;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQĐTHSKV2 các TCSN, BQP;
- Cơ quan THAHSQK5;
- Phòng THAQK5;
- Công ty C;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

1// Nguyễn Thành Long